

Số: 08/2025/QĐST - DS

Vĩnh Long, ngày 22 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 74/2025/TLST - DS ngày 24 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số A ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ cũ: Số A ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị T: Anh Phạm Hoài Duy T1, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long (theo giấy ủy quyền ngày 01/4/2025)

1.2. Bị đơn: Ông **Võ Văn B**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số A ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ cũ: Số A ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Bà Võ Thị R, sinh năm 1951

Địa chỉ: ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

1.3.2. Bà Võ Thị D, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

1.3.3. Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

1.3.4. Ông **Võ Văn M**, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

1.3.5. Ông **Võ Văn M1**, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

1.3.6. Anh **Võ Quốc T2**, sinh năm 1992

1.3.7. Chị **Bùi Thị Tuyết N**, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long

1.3.8. Chị **Trần Thị V**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Võ Thị T được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 202-1, diện tích 583,1m², (trong đó có 100m² đất ONT, 483,1m² đất CLN), tọa lạc ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long).

Công nhận cho bà Võ Thị T được quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 202-1 gồm các mốc (2,3,4,5,2) diện tích 583,1m² (trong đó có 100m² đất ONT, 483,1m² đất CLN), tọa lạc ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long). (kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 17/6/2025).

- Ông Võ Văn B được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 202-2, diện tích 918,3m², (trong đó có 112m² đất ONT, 806,3m² đất CLN), tọa lạc ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long)

Công nhận cho ông Võ Văn B được quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là phần đất thuộc thửa số 202-2 (gồm các mốc 1,2,5,6,1) diện tích 918,3m², (trong đó có 112m² đất ONT, 806,3m² đất CLN), tọa lạc ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long) (kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 17/6/2025)

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Võ Thị R, Võ Thị D, Võ Văn K, Võ Văn M, Võ Văn M1 đồng ý để kỹ phần của mỗi người được hưởng tặng cho lại bà Võ Thị T và ông Võ Văn B. Ngoài ra không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Võ Quốc T2 và chị Bùi Thị Tuyết N và chị Trần Thị V không có yêu cầu gì.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí khảo sát đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 2.960.000đ (hai triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Bà T và ông B mỗi người chịu 1.480.000đ (một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Bà T đã nộp tạm ứng chi phí cho Tòa án đầy đủ. Ông B có nghĩa vụ trả cho bà T 1.480.000đ (một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) tiền chi phí khảo sát đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản mà bà T đã nộp tạm ứng trước.

- Về án phí:

+ Bà Võ Thị T chịu 1.627.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên miễn toàn bộ tiền án phí cho bà T theo quy định tại Điều 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Ông Võ Văn B chịu 2.293.500đ (hai triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1-Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú

